

SO SÁNH ẪN DỤ TRI NHẬN CỦA TỪ VỊ GIÁC “辣” (LẠT) – CAY TRONG TIẾNG HÁN VÀ TIẾNG VIỆT

Tạ Thị Lê Thu⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Ngày nhận bài: 16/6/2021; Ngày gửi phản biện: 20/6/2021; Chấp nhận đăng: 30/7/2021

Liên hệ Email: tathilethu1985@gmail.com

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2021.04.229>

Tóm tắt

Ẩn dụ vị giác đóng một vai trò quan trọng trong quá trình nhận thức của con người. Nhiều khái niệm trừu tượng được xây dựng thông qua ẩn dụ vị giác. Từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, bài báo nghiên cứu các ẩn dụ khái niệm về vị 辣 (lạt) (cay) trong tiếng Hán và tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu cho thấy các ẩn dụ về 辣 (lạt) (cay) trong tiếng Hán và tiếng Việt có những điểm tương đồng và khác biệt. Điều này phản ánh sự tương đồng và khác biệt trong phương thức tư duy và kinh nghiệm văn hoá của hai dân tộc. Các phép chiếu ẩn dụ khái niệm của 辣 (lạt) (cay) trong tiếng Hán và tiếng Việt gần như giống nhau, chủ yếu bao gồm: miền thính giác/xúc giác, miền tính cách, miền tâm lí. Nhưng theo nghĩa ẩn dụ, vị 辣 (lạt) (cay) trong tiếng Hán và tiếng Việt thể hiện nhiều điểm khác biệt, nguyên nhân có thể là do sự khác biệt về các nền văn hoá mỗi dân tộc.

Từ khóa: ẩn dụ khái niệm, so sánh, vị giác 辣 (lạt) (cay)

Abstract

COMPREHENSION CONFIDENTIAL METHODS OF THE FLAVOR VOCABULARY “LAT” – SPICY IN CHINESE AND VIETNAMESES

The taste metaphor plays an important role in human cognitive processes. Many abstract concepts are constructed through taste metaphors. From the perspective of cognitive linguistics, the article studies the conceptual metaphors of 辣 (lat) (spicy) in Chinese and Vietnamese. Research results show that the metaphors of 辣 (lat) (spicy) in Chinese and Vietnamese have similarities and differences. This partly reflects the similarities and differences in thinking methods and cultural experiences of the two ethnic groups. The conceptual metaphorical projections of spicy in Chinese and Vietnamese are almost the same, mainly including: auditory/tactile domain, personality domain, and psychological domain. But in a metaphorical sense, the taste of spicy in Chinese and Vietnamese shows many differences, which may be due to differences in cultures of each ethnic group.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ học nhận thức đương đại cho rằng ẩn dụ không chỉ là một hiện tượng tu từ theo nghĩa ngôn ngữ học truyền thống, mà còn là một phương thức cơ bản của tư duy, nhận thức và khái niệm về thế giới của con người (Ungerer & Schmid, 2001). Những tư duy và hành động hằng ngày của chúng ta, về cơ bản là có tính ẩn dụ (Lakoff & Johnson, 1980), nói cách khác, ẩn dụ là một công cụ nhận thức mạnh mẽ để khái niệm hoá tất cả các khái niệm trừu tượng. Phép ẩn dụ giúp mọi người sử dụng một miền nguồn quen thuộc và dễ hiểu để hiểu một miền đích khác lạ và khó hiểu, cũng chính là “lấy một miền khái niệm để hiểu một miền khái niệm khác” (Kovecses, 2002).

Quy luật nhận thức xác định rằng cơ thể con người và những trải nghiệm của nó là cơ sở để con người nhận thức về thế giới. Có thể thấy rằng cơ thể con người và kinh nghiệm về giác quan đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc hình thành ý nghĩa ẩn dụ và hình thành khái niệm của con người. Là một trong năm giác quan của con người, vị giác đóng vai trò quan trọng trong quá trình nhận thức của con người. Chúng ta thông qua vị giác để cảm nhận thế giới, trải nghiệm thế giới, đồng thời thông qua vị giác để biểu đạt thế giới. Hiện tại các nghiên cứu về ẩn dụ khái niệm vị giác trong tiếng Hán và tiếng Việt vẫn đang trong giai đoạn khám phá, đặc biệt là nghiên cứu cụ thể từng từ vị giác vẫn còn rất ít. Là một trong những vị cơ bản của con người, nghĩa gốc của 辣 (cay) là dùng để chỉ những vị cay nồng như gừng, tỏi, tiêu. Từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, bài viết tiến hành phân tích cụ thể những điểm tương đồng và khác biệt trong cách thức biểu đạt của từ vị giác 辣 (cay) trong hai ngôn ngữ Hán – Việt.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp quy nạp. Trên cơ sở tổng hợp dữ liệu của các tác giả đi trước nghiên cứu về vị giác, bài viết dựa trên cơ sở lý luận ẩn dụ tri nhận lấy 辣 (cay) ở trong tiếng Hán và tiếng Việt làm đối tượng nghiên cứu, sau đó tiến hành phân tích so sánh để làm nổi bật đặc trưng ẩn dụ khái niệm của 辣 (cay) trong tiếng Hán, trên cơ sở đó tìm ra được sự tương đồng và khác biệt về cách tri nhận về vị giác trong cộng đồng sử dụng hai ngôn ngữ.

Ngữ liệu của bài viết chủ yếu lấy từ cuốn Từ điển tiếng Hán hiện đại, từ điển trực tuyến Baidu, kho ngữ liệu tiếng Hán (CCL 北大语料库) và trong các cuốn Từ điển tiếng Việt có tính chính xác cao, có giá trị khoa học, đặc biệt là trong kho cơ sở dữ liệu tiếng Việt của Phòng Từ điển Ngữ văn, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Ẩn dụ của 辣 (cay) trong tiếng Hán và tiếng Việt

Các từ chỉ vị trong tiếng Hán và tiếng Việt cũng giống như hầu hết các ngôn ngữ trên thế giới đều có thể định nghĩa được thông qua sự cảm nhận của cơ quan vị giác. Xét

về ngữ nghĩa, các nghĩa gốc (nghĩa đen) của các từ chỉ vị thường cụ thể nhờ mối liên hệ giữa vị với các vật đại diện cho nó, chẳng hạn như: 辣(lạt) trong tiếng Hán được định nghĩa: 像姜、蒜、辣椒等有刺激性的味道 (có vị cay nồng như gừng, tỏi, tiêu) (Trương Văn Giới và cs., 2006) hay “cay” trong tiếng Việt: *như vị của ớt* (Hoàng Phê, 2017). Chính vì vậy, nghĩa đen của các từ này thường được vận dụng rất nhiều trong đời sống xã hội cũng như tinh thần của con người. Tuy nhiên, ngoài nghĩa gốc, các từ chỉ vị còn có thêm các nghĩa mở rộng, tạo nên hệ thống nghĩa phong phú của từng từ. Việc có thêm các nghĩa mở rộng như vậy là vì khi vận dụng các nghĩa gốc trong thực tế đời sống, con người thường có thêm những liên tưởng mới dựa trên những thuộc tính sẵn có của chúng.

Nhận thức của con người được hình thành trong quá trình tương tác giữa con người với thế giới, và ẩn dụ là một dạng đặc biệt của mô hình nhận thức, đó là cách để con người nhận biết và miêu tả thế giới. Vị giác với tư cách là một khả năng cơ bản của con người, có tính thống nhất và phổ biến đối với tất cả các dân tộc. Xét về mặt sinh lí thì các cơ quan cảm giác của con người là hoàn toàn giống nhau nên sẽ có cùng cảm nhận đối với thế giới khách quan, vì vậy các ẩn dụ khái niệm của 辣lạt (cay) trong tiếng Hán và tiếng Việt chắc chắn có những điểm tương đồng. Tuy nhiên, do sự khác biệt về xã hội văn hoá và cách tư duy của mỗi dân tộc nên cùng một ý nghĩa ẩn dụ khái niệm nhưng lại có một sự khác biệt không nhỏ. Dưới đây, dựa vào những ngữ liệu có liên quan đến từ vị giác 辣lạt (cay) trong tiếng Hán và tiếng Việt, chúng tôi khái quát được những ẩn dụ như sau:

1. HUNG ÁC, TÀN NHÂN LÀ CAY

Tiếng Hán	Tiếng Việt
手段毒辣 (thủ đoạn nham hiểm)	Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều.
下辣手 (hạ độc thủ)	Dòng họ Vũ này nổi tiếng chua cay ác độc.
这个家伙心狠手辣，做事一点儿不考虑后果(cái lão này thật là độc ác, làm việc gì cũng không nghĩ đến hậu quả)	

2. LỜI NÓI CAY ĐỘC, NHAM HIỂM LÀ CAY

Tiếng Hán	Tiếng Việt
我从来没听到过这么毒辣的话 (tôi chưa bao giờ nghe lời nói nham hiểm như vậy)	Câu nói cay nghiệt của mẹ chồng khiến cô rơi nước mắt.
来稿是写得好的，我很佩服那辛辣之处 (bản thảo viết rất tốt, tôi rất khâm phục những lời văn sâu cay như vậy)	Sơn vẫn vậy, mỗi câu nói đều rất thâm thúy, sâu cay.

3. NÓNG NÀY, NỔI CÁU LÀ CAY

Tiếng Hán	Tiếng Việt
心性泼辣 (tính tình đanh đá)	Không có
她是一个泼辣的女强人 (cô ấy là một người phụ nữ đanh đá)	
近几年里，我也从未看到他如此生气和泼辣 (trong những năm gần đây, tôi chưa bao giờ nhìn thấy anh ấy tức giận và nóng nảy như vậy)	

4. NHIỆT ĐỘ CAO, NÓNG LÀ CAY

Tiếng Hán	Tiếng Việt
-----------	------------

太阳晒得人热辣辣的 (ánh nắng mặt trời làm người nóng ran lên)	Không có
太阳火辣辣的 (mặt trời nóng hừng hực)	
5. THÂN HÌNH GỢI CẢM LÀ CAY	
Tiếng Hán	Tiếng Việt
据智利报纸称，身材火辣的名模凯尼塔一直喜欢结交名 (Theo tờ báo Chile, Kellita Smith, một người mẫu có thân hình nóng bỏng, luôn thích kết bạn với những người nổi tiếng)	Không có
她是个火辣辣的金发美人，是吧？ (Cô ấy là một người đẹp tóc vàng nóng bỏng, phải không?)	
6. ĐAU ĐỐN, XỐT XA LÀ CAY	
Tiếng Hán	Tiếng Việt
Không có	Ông khóc than cay đắng cho đứa con trai đã mất. Tác phẩm nói về nỗi cay cực của người lao động.
7. TỨC TỎI KHI THẤT BẠI LÀ CAY	
Tiếng Hán	Tiếng Việt
Không có	Bị chơi khăm, trong lòng nó cay như ớt quyết tâm trả thù. Càng thua bạc, lão càng cay cú.
8. KHẮT KHE, NGHIỆT NGÃ LÀ CAY	
Tiếng Hán	Tiếng Việt
Không có	Quan hệ của tôi với mẹ chồng chưa bao giờ tốt đẹp, bà luôn cay nghiệt với tôi từ lời nói đến hành động dù tôi đã luôn cố gắng. Xã hội vẫn luôn cay độc với phụ nữ.
9. GIÁC QUAN BỊ KÍCH THÍCH LÀ CAY	
Tiếng Hán	Tiếng Việt
Không có	Làm thế nào để thái hành tây không làm cay mắt? Chương đưa tay che khỏi, mắt anh cay sè.

3.2. Điểm giống và khác nhau của ẩn dụ 辣 (cay) trong tiếng Hán và “cay” trong tiếng Việt

3.2.1. Điểm tương đồng

辣 (cay) là vị khó thưởng thức và không phải ai cũng biết ăn, là một vị có tính kích thích mạnh làm cho con người cảm thấy không thoải mái. Khi chúng ta ăn phải những thực phẩm có vị 辣 (cay) thì tuyến nước bọt, tuyến lệ bị kích thích mạnh, làm cho lưỡi bị tê, toàn thân nóng lên, nước mắt, nước miếng chảy ra...làm cho chúng ta có cảm giác rất khó chịu. Trên thực tế, cảm giác về vị 辣 (cay) mạnh hơn rất nhiều so với cảm giác các vị khác, nó làm cho con người cảm thấy nóng và đau, làm cho con người cảm thấy khó chịu và có ác cảm với vị này. Từ sự không thoải mái về mặt sinh lý dần dần sẽ tạo cảm giác khó chịu về mặt tâm lý. Chính vì sự tương đồng của hai loại cảm giác này mà người Trung Quốc và Việt Nam đã xây dựng mối quan hệ ánh xạ giữa hai miền khái niệm NHAM HIỂM ĐỘC ÁC LÀ CAY, LỜI NÓI CAY ĐỘC LÀ CAY trong cả hai

ngôn ngữ. Sự hình thành những ẩn dụ này là có cơ sở bởi vì ngay ý nghĩa ban đầu của 辣 (cay) là dùng để chỉ những vị cay nồng như gừng, tỏi và ớt,...là một sự trải nghiệm khó chịu về mặt cảm giác hoặc thậm chí là đau đớn. Vì vậy, mà trong tiếng Hán và tiếng Việt đều dùng 辣 (cay) để nói đến sự khát khe và nham hiểm.

3.2.2. Điểm khác biệt

辣 (cay) là một loại vị có tính kích thích rất mạnh. Khi ăn những thực phẩm có vị “cay” con người đều có cảm giác nóng. Từ cảm giác về sinh lí đã dẫn đến sự liên tưởng về tâm lí nên người Trung Quốc và người Việt đã dùng những đặc điểm này của từ vị giác 辣 (cay) để hình thành nên khái niệm mới đó là miêu tả tính cách của con người, và cả hai đều đề cập đến tính cách xấu, không gây được thiện cảm với người tiếp xúc. Tuy nhiên sự tri nhận của mỗi dân tộc thường dựa vào kinh nghiệm sống, dựa vào thói quen mà hình thành nên người Việt có cách nói KHẮT KHE, NGHIỆT NGÃ LÀ CAY, còn người Trung quốc dựa vào kinh nghiệm mà cho rằng NÓNG NÀY, DỄ NỔI CÁU LÀ CAY. Sự liên tưởng này phần nào phản ánh được tư duy nhận thức khác biệt của hai dân tộc đối với kinh nghiệm cuộc sống của mình.

辣 (cay) là một trong năm hương vị chủ đạo của nền ẩm thực Trung Quốc. Vị 辣 (cay) làm cho con người có cảm giác tê cay nơi đầu lưỡi, hơi nồng xộc lên mũi và cái nóng râm ran nơi cuống họng. Khi con người gặp phải các kích thích từ bên ngoài mà có nhiệt độ cao như ánh nắng mặt trời, nước sôi, dầu thô hay pháo hoa, thành phần hóa học của hành tây,... sẽ tạo ra cảm giác khó chịu giống như ăn thực phẩm có vị cay. Từ những đặc điểm của 辣 (cay) đã ánh xạ lên khái niệm NHIỆT ĐỘ CAO, NÓNG LÀ CAY trong tiếng Hán. Nhờ lối tư duy ẩn dụ mà người Trung Quốc đã xây dựng nên mối quan hệ ánh xạ xúc giác là vị giác, làm cho các khái niệm vốn dĩ trừu tượng, vô hình lại trở thành những khái niệm cụ thể hơn, dễ hiểu hơn. Trong tiếng Việt “cay” cũng được ánh xạ từ miền vị giác sang miền xúc giác. Tuy nhiên, khác với 辣 (lạt) trong tiếng Hán dùng để miêu tả nhiệt độ cao, ánh nắng mặt trời làm cho da bỏng rát và đau đớn thì “cay” trong tiếng Việt được dùng để diễn tả cảm giác cay mắt do kích ứng của các chất bên ngoài như thành phần hoá học từ hành hoặc khói lò, vì vậy mà hình thành ẩn dụ GIÁC QUAN BỊ KÍCH THÍCH LÀ CAY trong tiếng Việt.

辣 (cay) là vị có tính kích thích mạnh. Trên thực tế, cảm giác về vị 辣 (cay) mạnh hơn rất nhiều so với cảm giác các vị khác, nó làm cho con người cảm thấy nóng và đau. Từ góc độ trải nghiệm của cơ thể, có thể thấy rằng con người khi ăn cay, toàn thân sẽ nóng lên, khuôn mặt sẽ chuyển từ nóng sang đỏ. Tương tự cảm giác khi chúng ta nhìn thấy một vẻ đẹp gợi cảm, một thân hình nóng bỏng cũng làm cho chúng ta nóng bừng trong người, dễ bị kích thích. Chính vì sự giống nhau giữa hai cảm giác này mà người Trung Quốc đã dùng từ vị giác 辣 (cay) để nói về THÂN HÌNH GỢI CẢM. Sự tương đồng trong quá trình ánh xạ ẩn dụ này là có cơ sở. Trong tiếng Hán hiện đại, 火辣身材 (thân hình nóng bỏng), 火辣美女 (mỹ nhân gợi cảm), ... đều là những từ được sử dụng phổ biến. Nguồn gốc của nó có lẽ là do dịch trực tiếp từ từ “hot” (một tính từ miêu

tả thân hình gợi cảm trong tiếng Anh). Ấn dụ này không tìm thấy trong tiếng Việt.

“Cay” về mặt khoa học không phải là một vị giác mà là cảm giác đau và nóng. Nhưng do văn hóa và thói quen mà người Việt Nam từ lâu đã coi “cay” như là một từ chỉ vị giác, thậm chí là từ chỉ vị giác cơ bản. “Cay” là vị khó thường thức và không phải ai cũng biết ăn, là một vị có tính kích thích mạnh làm cho con người cảm thấy không thoải mái. Từ sự không thoải mái về mặt sinh lý dần dần sẽ tạo cảm giác khó chịu về mặt tâm lý. Cảm nhận này đối với vị “cay” đã ánh xạ lên cả lĩnh vực trạng thái tâm lý, cảm xúc của con người và điều này thể hiện qua những ấn dụ được tìm thấy trong tiếng Việt: ĐAU ĐÓN, XỐT XA LÀ CAY, TỨC TỐI KHI THẤT BẠI LÀ CAY. Hơn nữa, điều đáng chú ý là để nói về đau khổ, bi thương, thất bại hay thua thiệt thì từ chỉ vị giác “cay” trong tiếng Việt sẽ phối hợp với từ chỉ vị giác “đắng” và “chua” để tạo ra những từ ngữ biểu thị những khái niệm vốn dĩ khó giải thích, khó định tính như trạng thái tâm lý, cảm xúc của con người được cụ thể hóa và được định tính hóa. Không tìm thấy những ấn dụ này trong tiếng Hán.

Có thể thấy vị 辣 (cay) có tần suất sử dụng cao trong quá trình nhận thức các khái niệm mới ở cả hai ngôn ngữ Hán – Việt. Trung Quốc nằm ở vùng lãnh thổ thuộc khí hậu ôn đới, mùa đông khá lạnh. Vào mùa đông, con người tiêu thụ nhiều calo nên rất thèm ăn. Đồng thời để giữ ấm, người Trung Quốc thường ăn những thực phẩm động vật có giàu protein, đặc biệt là những thực phẩm có tính nóng như thịt cừu, thịt chó, lẩu,...và các món ăn có xu hướng nhiều dầu mỡ và cay. Trong món lẩu của Trung Quốc, mặt trên bao giờ cũng có một lớp dầu dày và ớt đỏ tươi. Đặc biệt là phía Tây Nam ở Trung Quốc vì mùa đông lạnh và ẩm ướt nên người dân địa phương thích ăn ớt để đẩy lùi cái lạnh và chống lại bệnh thấp khớp. Có lẽ chính vì vậy mà những ấn dụ với miền nguồn là 辣 (cay), miền đích là những khái niệm trừu tượng khác trong đời sống xã hội đã được sử dụng rộng rãi trong tiếng Hán. Còn Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới, người Việt cho rằng thức ăn cay khiến con người đổ mồ hôi, nên có thể giúp người ăn thấy mát dịu hơn. Hiệu ứng giảm nhiệt bốc hơi khi chúng ta đổ mồ hôi thực sự tốt để cân bằng nhiệt độ trong cơ thể. Vì vậy, người vùng nhiệt đới rất ưa chuộng các món ăn có vị cay kết hợp với vị chua thanh mát để giải nhiệt. Có lẽ vì vậy này mà “cay” cũng được sử dụng rộng rãi trong tiếng Việt.

Tóm lại, từ những phân tích so sánh trên, không khó để thấy rằng từ 辣 (cay) trong tiếng Hán và tiếng Việt thông qua phép ẩn dụ đã hình thành nên những khái niệm mới khá phong phú. Những ẩn dụ của 辣 (cay) trong tiếng Hán và tiếng Việt có những điểm giống và khác nhau. Sự giống nhau ở đây có thể là do hệ thống vị giác là chung cho tất cả mọi người. Hệ thống chung này làm cho con người về cơ bản có cùng sự trải nghiệm, vì cùng dựa trên một trải nghiệm vật lý nên việc ánh xạ các phép ẩn dụ của 辣 (cay) trong tiếng Hán và tiếng Việt giống nhau âu cũng là điều tự nhiên. Nhưng đồng thời chúng tôi cũng nhận thấy rằng, các ẩn dụ của 辣 (cay) trong tiếng Hán và tiếng Việt cũng có sự khác biệt, nguyên nhân có thể là do sự khác biệt đặc trưng về văn hoá của mỗi dân tộc. Ngôn ngữ là một bộ phận quan trọng của văn hoá. Văn hoá ảnh hưởng đến phương thức tư duy của con người và ảnh hưởng đến sự phát triển của

ngôn ngữ. Từ xa xưa, đất nước Trung Hoa đã trải qua nhiều đau thương do thiên tai, chế độ xã hội,...điều này cũng gây ra một sự ảnh hưởng nhất định đến ngôn ngữ.

4. Kết luận

Từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận có thể thấy 辣 (cay) trong tiếng Hán và “cay” trong tiếng Việt không chỉ có ý nghĩa liên quan đến “vị giác” mà thông qua tri nhận, con người đã mang 辣 (cay) từ khái niệm quen thuộc ánh xạ sang lĩnh vực trừu tượng, và dùng 辣 (cay) để thể hiện tính cách, tâm lý, lời nói, của mình. Từ kết quả phân tích so sánh cho thấy 辣 (cay) trong tiếng Hán và tiếng Việt có nhiều nét tương đồng, song cũng có những nét khác biệt nhất định. Con người có cấu tạo cơ thể và các cơ quan cảm giác giống nhau, đối mặt với thế giới vật chất giống nhau, có nhận thức và khả năng nhận thức giống nhau nên có thể có được những cấu trúc khái niệm giống nhau, đây là cơ sở cho sự hình thành tính chung. Tuy nhiên, do sự khác biệt đặc trưng về văn hoá nên dẫn đến những tri nhận về các lĩnh vực hay khái niệm trừu tượng khác thông qua ý niệm vị giác 辣 (cay) là khác nhau. Bất kể những ẩn dụ về vị giác 辣 (cay) là chung hay riêng thì việc hình thành những khái niệm mới đều dựa trên kinh nghiệm của con người về các chức năng, đặc điểm và hoạt động của vị 辣 (cay). Do đó, việc con người dựa trên kinh nghiệm vốn có của bản thân về vị giác để hình thành những khái niệm mới là một sự liên tưởng rất tự nhiên của con người thuộc bất cứ dân tộc nào. Đây là minh chứng cho sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ, đồng thời cũng phản ánh được đời sống, tinh thần, vật chất của con người ngày càng được nâng cao. Khả năng liên tưởng, tư duy của con người cũng đã góp phần tạo nên vốn từ vựng phong phú cho tiếng Hán và tiếng Việt, đồng thời cũng thể hiện được văn hóa đặc sắc riêng của mỗi nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Phê (2017). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Hồng Đức.
- [2] Kovecses, Zoltan (2002). *Metaphor: A Practical Introduction*. Oxford: Oxford University Press.
- [3] Lakoff, G. & Johnson, M. (1980). *Metaphors We Live By*. Chicago: The University of Chicago Press.
- [4] Trương Văn Giới - Lê Khắc Kiều Lục (2006). *Từ điển Hán Việt hiện đại*. NXB Tổng hợp TP HCM.
- [5] Ungerer, F. & Schmid, H.J. (2001). *An Introduction to Cognitive Linguistics*. Beijing: Foreign Language Teaching and Research Press.